

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM

2. Mã chứng khoán: SGD

3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM

4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598

5. Người được UQ CBTT: Phan Thị Nam Phương

6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng công ty mẹ của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM được lập ngày 13/08/2018 đã kiểm toán bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

6.2 Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6 tháng của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM được lập ngày 13/08/2018 đã kiểm toán bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

7. Nội dung giải trình:

7.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ tăng 7% so với cùng kỳ do: Do doanh thu tăng 16.4% dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 7%.

7.2 Lợi nhuận sau thuế tại BCTC hợp nhất giảm 17% do: Tuy doanh thu cùng kỳ tăng 7,72% tuy nhiên chi phí tài chính tăng 73,15% dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 17%.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.



PHAN THỊ NAM PHƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2018 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối kỳ kế toán là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 01/04/2017 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/10/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 875/2018/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13/08/2018, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.559.813.620	51.488.821.803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.652.567.443	13.440.544.658
1. Tiền	111		3.635.156.484	5.440.544.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.017.410.959	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.229.248.705	9.037.821.875
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	5.913.804.104	9.112.705.975
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(684.555.399)	(74.884.100)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.906.878.371	20.501.671.762
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.005.322.673	14.286.428.587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	6.718.150	137.871.931
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	9.295.509.800	6.795.509.800
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	625.942.210	378.459.406
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.026.614.462)	(1.096.597.962)
IV. Hàng tồn kho	140	12	19.618.998.326	8.382.359.600
1. Hàng tồn kho	141		22.117.593.345	10.936.875.794
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.498.595.019)	(2.554.516.194)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		152.120.775	126.423.908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	32.259.667	18.908.496
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	119.861.108	107.515.412
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.924.941.783	27.671.018.745
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.737.432.725	9.946.660.729
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.269.275.853	3.478.503.857
- Nguyên giá	222		5.561.078.486	5.561.078.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.291.802.633)	(2.082.574.629)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	16.424.942.345	16.504.771.154
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.534.405.700	14.534.405.700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(109.463.355)	(29.634.546)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		762.566.713	1.219.586.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	762.566.713	1.219.586.862
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.484.755.403	79.159.840.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.059.774.984	21.713.190.595
I. Nợ ngắn hạn	310		33.059.774.984	21.713.190.595
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	27.712.083.484	15.607.048.215
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	335.764.641	66.574.719
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	214.615.541	179.734.597
4. Phải trả người lao động	314		2.605.183.668	2.690.146.752
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.176.302.986	3.122.198.294
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	7.990.146	39.653.500
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.834.518	7.834.518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.424.980.419	57.446.649.953
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	55.424.980.419	57.446.649.953
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	2.227.438.218	2.227.438.218
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	7.612.781.185	9.634.450.719
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.591.450.719	5.376.457.583
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.021.330.466	4.257.993.136
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.484.755.403	79.159.840.548



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	33.508.297.945	28.784.988.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	213.478.596	1.787.550
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		33.294.819.349	28.783.201.027
4. Giá vốn hàng bán	11	24	26.413.902.341	22.498.242.184
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>6.880.917.008</u>	<u>6.284.958.843</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.307.582.813	836.733.455
7. Chi phí tài chính	22	26	689.500.108	263.948.653
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2.083.333
8. Chi phí bán hàng	25	27a.	2.717.212.410	2.243.181.647
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27b.	2.371.179.043	2.290.825.270
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.410.608.260</u>	<u>2.323.736.728</u>
11. Thu nhập khác	31	28	-	1.320.208
12. Chi phí khác	32	29	23.142.417	116.266.438
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(23.142.417)</u>	<u>(114.946.230)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.387.465.843</u>	<u>2.208.790.498</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	366.135.377	326.043.350
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>2.021.330.466</u>	<u>1.882.747.148</u>



Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Kế toán trưởng

[Signature]

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

[Signature]

Bùi Tuyết Mai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.387.465.843	2.208.790.498
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	209.228.004	209.228.004
- Các khoản dự phòng	03	563.595.433	(410.923.063)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.143.966.605)	(344.708.675)
- Chi phí lãi vay	06	-	2.083.333
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	2.016.322.675	1.664.470.097
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.719.937.594)	(4.115.329.119)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.180.717.551)	(5.986.653.990)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.321.641.440	5.893.714.213
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	443.668.978	439.905.689
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	3.198.901.871	(1.031.516.620)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.083.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(341.192.428)	(218.669.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.738.687.391	(3.356.162.579)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	10.092.018.618
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.500.000.000)	(3.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	3.800.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	462.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.016.335.394	803.001.510
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.483.664.606)	11.857.020.128
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.043.000.000)	(3.637.203.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.043.000.000)	(3.637.203.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.787.977.215)	4.863.653.799
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.440.544.658	14.035.423.183
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.652.567.443	18.899.076.982



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN

*Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/01/2017 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất linh kiện điện tử, bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm.

Tỷ lệ sở hữu: 53,27%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 55,89%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản cho vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6
Tài sản cố định khác	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt	11.996.413	375.192.670
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.623.160.071	5.065.351.988
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	6.017.410.959	8.000.000.000
Cộng	9.652.567.443	13.440.544.658

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	5.913.804.104	5.362.588.180	(684.555.399)	9.112.705.975	9.461.783.000	(74.884.100)
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	3.177.370.000	-	3.350.620.280	3.535.720.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	97.000	-	3.201.944.701	3.383.601.000	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.271.470	280.800.000	(22.471.470)	303.458.970	271.440.000	(32.018.970)
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	25.800.000	(10.565.340)	36.365.340	34.800.000	(1.565.340)
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	630.720.000	(362.141.234)	992.861.234	1.033.680.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	1.336.457.287	1.078.301.180	(258.156.107)	1.108.541.790	1.067.242.000	(41.299.790)
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	136.500.000	(19.140.248)	118.913.660	135.300.000	-
+ Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng (SRC)	45.081.000	33.000.000	(12.081.000)	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	5.913.804.104	5.362.588.180	(684.555.399)	9.112.705.975	9.461.783.000	(74.884.100)

Biến động trong năm

	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	81.403	557.316.367	346.000	3.756.218.238
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	-	-	-	187.500
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	18.200	247.594.870	11.000	210.868.282
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	-	-	335.000	3.201.849.123
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	60.203	264.640.497	-	36.725.000
+ Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng (SRC)	3.000	45.081.000	-	-
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	-	-	-	306.588.333
Cộng	81.403	557.316.367	681.000	3.756.218.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2018					01/01/2018			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con						-			14.534.405.700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai (i)	Đang hoạt động	55,89%	55,89%	925.300	11.445.035.700	-	52,24%	52,24%	11.445.035.700	-
- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (i)	Đang hoạt động	53,27%	53,27%	213.060	3.089.370.000		53,27%	53,27%	3.089.370.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						109.463.355			2.000.000.000	29.634.546
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBGD Việt Nam (ii)	Đang hoạt động	1,84%	1,84%		2.000.000.000	109.463.355	1,84%	1,84%	2.000.000.000	29.634.546
Cộng					16.534.405.700	109.463.355			16.534.405.700	29.634.546

(i) Kết quả kinh doanh của Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai và Công ty CP Sách – Thiết bị Vĩnh Long không có lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đắk Nông	1.532.005.070	1.472.591.754
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	817.762.733	401.672.182
Đối tượng khác	15.655.554.870	12.412.164.651
Cộng	18.005.322.673	14.286.428.587

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục tại Đà Nẵng	116.198.200	216.198.200
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	1	18.299.261
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	276.569.303	121.731.901
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.215.085.956	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	28.323.750	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	196.988.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	-	212.377.673
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	817.762.733	401.672.182
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	176.490.610	213.835.082
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	53.879.410	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	170.704.015	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	128.290.988	221.679.013
Cộng	3.180.292.966	1.405.793.312

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	-	17.522.100
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông	-	97.569.680
Công nghệ Giáo dục		
Các đối tượng khác	6.718.150	22.780.151
Cộng	6.718.150	137.871.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long (bên liên quan)	9.295.509.800	6.795.509.800
Cộng	9.295.509.800	6.795.509.800,00

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	171.256.211	-	43.625.000	-
Tạm ứng	270.936.559	-	167.614.966	-
Ký quỹ	181.830.000	-	165.300.000	-
Phải thu khác	1.919.440	-	1.919.440	-
Cộng	625.942.210	-	378.459.406	-

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2018	01/01/2018
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn: + Trên 3 năm	1.026.614.462	1.096.597.962
Cộng	1.026.614.462	1.096.597.962

12. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	108.251.236	-	35.100.256	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.219.706.912	-	1.405.845.437	-
Thành phẩm	19.684.318.164	2.498.595.019	9.337.552.640	2.554.516.194
Hàng hóa	105.317.033	-	158.377.461	-
Cộng	22.117.593.345	2.498.595.019	10.936.875.794	2.554.516.194

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2018 là: 4.096.597.796 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	32.259.667	-
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	-	18.908.496
Cộng	32.259.667	18.908.496

b. Dài hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí tổ chức bản thảo	762.566.713 ỷ	1.219.586.862
Cộng	762.566.713	1.219.586.862

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Đ/tư XDCB h/thành	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Khấu hao					
Số đầu kỳ	548.209.907	38.105.578	1.407.550.371	88.708.773	2.082.574.629
Khấu hao trong kỳ	92.972.878	9.526.397	87.015.669	19.713.061	209.228.004
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	641.182.785	47.631.974	1.494.566.040	108.421.834	2.291.802.633
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	2.983.756.918	19.677.142	406.074.082	68.995.715	3.478.503.857
Số cuối kỳ	2.890.784.040	10.150.746	319.058.413	49.282.654	3.269.275.853

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 769.436.426 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 30/06/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Mua trong kỳ	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-
Số cuối kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Số cuối kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m².

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.426.804.219	1.374.728.719
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	9.966.990.286	7.152.218.236
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	983.961.801	631.979.991
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	3.510.231.140	48.955.680
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	935.114.290	839.820
Trương Kim Oanh	867.000.000	867.000.000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	694.125.000	694.125.000
Các đối tượng khác	9.327.856.748	4.837.200.769
Cộng	27.712.083.484	15.607.048.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2018	01/01/2018
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	3.510.231.140	48.955.680
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	16.121.000	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	239.990.338	238.890.113
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	393.657.488	296.859.900
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	98.272.572	95.233.172
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	548.889.473	334.781.263
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	1.132.913
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	146.627.593	172.596.516
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.426.804.219	1.477.652.719
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	68.429.780	44.400.872
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	340.742.827	-
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	805.531.680	346.938.444
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	774.492.120	315.502.520
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	935.114.290	839.820
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	296.311.864	209.451.144
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	983.961.801	631.979.991
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	9.966.990.286	7.255.142.236
Các đối tượng khác	111.148.529	131.531.869
Cộng	20.663.317.000	11.601.889.172

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Bùi Anh Tôn	13.776.000	13.776.000
Công ty CP Phát hành Sách Khánh Hòa	-	7.468.940
Công ty TNHH MTV Sách Việt	12.970.000	15.021.000
Nhà Sách Bình Minh	8.320.000	8.320.000
Phòng Giáo dục và Đào tạo Đắk Glong (THCS)	46.000.000	-
Trường THCS Trường Thạnh	50.000.000	-
Công ty TNHH MTV SXTM & DV Nhật Vũ	47.437.510	-
Các đối tượng khác	157.261.131	21.988.779
Cộng	335.764.641	66.574.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	107.515.412	-	30.755.867	43.101.563	119.861.108	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	33.550.582	280.005.922	270.067.927	-	43.488.577
Thuế TNDN	-	146.184.015	369.854.917	341.192.428	-	174.846.504
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	107.515.412	179.734.597	684.616.706	658.361.918	119.861.108	218.335.081

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
Chi phí bán thảo, biên tập	1.993.802.986	2.128.952.232
Chi phí hoa hồng môi giới	150.000.000	928.246.062
Chi phí khác	32.500.000	65.000.000
Cộng	2.176.302.986	3.122.198.294

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018	01/01/2018
Cổ tức phải trả	2.203.500	2.203.500
Thù lao trả cho HĐQT	-	34.300.000
Phải trả khác	5.786.646	3.150.000
Cộng	7.990.146	39.653.500

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2017	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.015.157.583
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.257.993.136
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.638.700.000
Số dư tại 31/12/2017	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.634.450.719
Số dư tại 01/01/2018	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.634.450.719
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.017.610.926
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	4.043.000.000
Số dư tại 30/06/2018	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	7.609.061.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Các cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	9.634.450.719	9.015.157.583
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.017.610.926	4.257.993.136
Phân phối lợi nhuận	4.043.000.000	3.638.700.000
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	4.043.000.000	3.638.700.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	4.043.000.000	3.638.700.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	7.609.061.645	9.634.450.719

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 92/NQ-SGD ngày 23/03/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	33.443.123.898	28.688.789.181
Doanh thu khác	65.174.047	96.199.396
Cộng	33.508.297.945	28.784.988.577

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Hàng bán bị trả lại	213.478.596	1.787.550
Cộng	213.478.596	1.787.550

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	26.411.266.516	22.556.977.879
Giá vốn hoạt động khác	58.557.000	86.909.605
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(55.921.175)	(145.645.300)
Cộng	26.413.902.341	22.498.242.184

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lãi tiền gửi, cho vay	355.609.200	258.159.705
Cổ tức, lợi nhuận được chia	788.357.405	578.573.750
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	163.616.208	-
Cộng	1.307.582.813	836.733.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lỗ bán khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	378.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	689.500.108	(116.134.680)
Lãi vay	-	2.083.333
Cộng	689.500.108	263.948.653

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tiền lương	1.699.644.426	1.580.198.699
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	324.638.194	290.052.908
Các khoản khác	692.929.790	372.930.040
Cộng	2.717.212.410	2.243.181.647

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tiền lương	1.214.906.982	1.127.875.085
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	235.460.009	258.967.362
Các khoản khác	920.812.052	903.982.823
Cộng	2.371.179.043	2.290.825.270

28. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Các khoản khác	-	1.320.208
Cộng	-	1.320.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Lỗ từ thanh lý Bất động sản đầu tư	-	114.024.780
Truy thu và nộp phạt thuế	23.142.417	
Các khoản khác	-	2.241.658
Cộng	23.142.417	116.266.438

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.387.465.843	2.208.790.498
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(765.214.988)	(578.573.750)
- Điều chỉnh tăng	23.142.417	-
+ Truy thu và nộp phạt thuế	23.142.417	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	788.357.405	578.573.750
Tổng thu nhập tính thuế	1.622.250.855	1.630.216.748
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	369.854.917	326.043.350
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	324.450.171	326.043.350
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này (*)	45.404.746	-

31. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.234.202.258	6.346.667.225
Chi phí nhân công	2.914.551.408	2.708.073.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.228.004	209.228.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.619.751.013	5.671.694.357
Chi phí khác bằng tiền	1.909.728.114	1.378.779.682
Cộng	15.887.460.797	16.314.443.052

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp của Công ty là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	27.712.083.484	-	27.712.083.484
Chi phí phải trả	2.176.302.986	-	2.176.302.986
Phải trả khác	7.990.146	-	7.990.146
Cộng	29.896.376.616	-	29.896.376.616

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.607.048.215	-	15.607.048.215
Chi phí phải trả	3.122.198.294	-	3.122.198.294
Phải trả khác	39.653.500	-	39.653.500
Cộng	18.768.900.009	-	18.768.900.009

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.652.567.443	-	9.652.567.443
Đầu tư tài chính	5.229.248.705	1.890.536.645	7.119.785.350
Phải thu khách hàng	16.978.708.211	-	16.978.708.211
Phải thu về cho vay	9.295.509.800	-	9.295.509.800
Phải thu khác	355.005.651	-	355.005.651
Cộng	41.511.039.810	1.890.536.645	43.401.576.455

01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.440.544.658	-	13.440.544.658
Đầu tư tài chính	9.037.821.875	1.970.365.454	11.008.187.329
Phải thu khách hàng	13.189.830.625	-	13.189.830.625
Phải thu về cho vay	6.795.509.800	-	6.795.509.800
Phải thu khác	210.844.440	-	210.844.440
Cộng	42.674.551.398	1.970.365.454	44.644.916.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Bán hàng		
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	17.777.132	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	7.319.071.930	7.888.784.381
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	299.085.066	418.620.325
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	101.122.000	165.840.000
Công ty Cổ phần Học Liệu (EMCO)	76.544.510	21.822.435
CN Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	-	7.573.139
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	30.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	268.225.790	156.019.640
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	290.004.830	89.485.224
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	29.250.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.395.993.980	1.609.581.480
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	1.827.822.420	2.382.505.550
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	41.479.500	-
CN Công ty CP Sách đại học dạy nghề tại TP. Hồ Chí Minh	-	4.664.800
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	143.716.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	429.682.591	242.499.340
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	112.654.575	225.342.199
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	157.033.181	145.480.465
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	1.246.090.551	742.015.586
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	254.753.130	131.628.615
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	202.293.000	140.160.265
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	173.093.524	225.537.232
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	4.003.199.480	1.562.233.680
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi trẻ	33.643.100	15.768.250
Công ty CP Sách Dân Tộc	1.100.225	690.041.840
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	114.574.720	173.900.400
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	194.161.400	222.621.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	214.108.210	498.005.828
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	4.773.448.827	547.262.105
Công ty CP Dịch Vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	24.031.077	156.995.840
Công ty CP Dịch Vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	602.075.500	731.147.260
Công ty CP Mĩ Thuật và Truyền Thông	68.429.780	92.189.620
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	807.659.000	775.120.303
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	924.492.120	452.220.110
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	1.202.500.260	497.024.700
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	686.316.694	328.737.309
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.947.975.790	1.882.824.440
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.405.413.500	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	12.524.081.230	7.376.740.220
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo dục	132.344.160	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Cho vay	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	2.500.000.000	-

c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	299.657.000	290.549.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	91.800.000	88.800.000

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai